

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-8-2022

*“Về việc không công nhận
quan hệ vợ chồng”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân và Ông Nguyễn Như Tạ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2022, về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn 05, xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn 05, xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông.

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị Thu H trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu C chung sống từ năm 2001, không có đăng kết hôn. Việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, quá trình sống chung đến nay, giữa bà và ông Nguyễn Hữu C cả hai không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống bất đồng, khác biệt. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được với nhau, bà Phan Thị Thu H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn

Hữu C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là: Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 27 tháng 2 năm 2002 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2007.

Cháu Nguyễn Quan Đ đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Nguyễn Thị Hồng N bà xin được nuôi cả cháu đến tuổi trưởng thành,

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Phan Thị H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu C không có nợ ai.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày: Ông C thừa nhận lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung là đúng. Nay ông C đồng ý yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông đồng ý để cháu Nguyễn Thị Hồng N cho bà H nuôi đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông C xác nhận ông và bà Phan Thị Thu H không có nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu C là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 08 tháng 10 năm 2007 cho bà Phan Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Bà Phan Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu C thống nhất xác nhận ông bà không có nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Phan Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng của bà với ông Nguyễn Hữu C. Bị đơn là anh Nguyễn Hữu C có địa chỉ tại Thôn 05, xã A, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Bà Phan Thị Thu H là nguyên đơn và ông Nguyễn Hữu C là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Hữu C và bà Phan Thị Thu H theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu C sống chung với nhau từ năm năm 2001 đến nay. Hai ông bà đều thừa nhận tự nguyện sống chung và không có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân của ông, bà vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý....”*

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Như vậy, căn cứ vào các quy định của pháp luật yêu cầu của bà H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà H về việc xin ly hôn, không công nhận bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu C là vợ chồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là: Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 27 tháng 2 năm 2002 và Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 08 tháng 10 năm 2007. Cháu Nguyễn Quang Đ đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Hồng Ngọc thì bà H có nguyện vọng được nuôi các cháu đến tuổi trưởng thành và điều này cũng phù hợp với sự thống nhất giữa bà H và ông C. Vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Nguyễn Thị Hồng N cho bà Phan Thị Thu H nuôi dưỡng là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[7]. Về nợ chung: Ông C và bà H đều thừa nhận không có nợ ai.

[8]. Về án phí: Bà Phan Thị Thu H là nguyên đơn phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bà H, ông C, Ngân hàng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu H đối với ông Nguyễn Hữu C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu C là quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2007 cho bà Phan Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Hữu C được quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

1.3. Về cấp dưỡng: Bà Phan Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.4. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.5. Về nợ chung: Bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu C thừa nhận không có nợ ai.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Thu H phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004854 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh